

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 552 /2024/DS-PT

Ngày 18 - 11 - 2024

V/v tranh chấp “dân sự về hợp
đồng góp hụi và hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2024/TLPT-DS ngày 01/10/2024 về việc tranh chấp “dân sự về hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 445/2024/QĐ-PT ngày 10/10/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Cẩm P, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Lê Thị H, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Vĩnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Cẩm P trình bày:

Tháng 6 năm 2022, chị cho anh T và chị H vay số tiền 30.000.000 đồng, vay không lãi, thời hạn vay là 03 tháng và không ghi biên nhận. Nhận tiền xong và đến hạn trả thì anh T, chị H hứa hẹn rồi tránh mặt.

Năm 2020, chị tham gia 07 dây hội do chị H, anh T làm thảo cụ thể:

Dây 1: Mở ngày 10/9/2020 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng. Tham gia 02 phần gồm 24 kỳ. Đóng 26 kỳ do chị H thu dư tổng số tiền đóng hội là 104.000.000 đồng, trừ tiền thảo 2.000.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 102.000.000 đồng;

Dây 2: Mở ngày 10/11/2020 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng. Tham gia 02 phần gồm 24 kỳ. Đóng 24 kỳ, tổng số tiền đóng hội là 96.000.000 đồng, trừ tiền thảo 2.000.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 94.000.000 đồng;

Dây 3: Mở ngày 30/10/2020 âm lịch, loại 3.000.000 đồng/tháng. Tham gia 01 phần và mua một phần hội gồm 21 kỳ. Đóng 24 kỳ do chị H thu dư của chị 03 kỳ, tổng số tiền đóng hội là 144.000.000 đồng, trừ tiền thảo 1.000.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 142.5000.000 đồng;

Dây 4: Mở ngày 30/02/2021 âm lịch, loại 3.000.000 đồng/ tháng. Tham gia 01 phần gồm 24 kỳ. Đóng 20 kỳ do chị H và anh T vỡ hội, tổng số tiền đóng hội là 60.000.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 58.500.000 đồng;

Dây 5: Mở ngày 30/5/2021 âm lịch, loại 3.000.000 đồng/ tháng. Tham gia 01 phần gồm 24 kỳ. Đóng 17 kỳ do chị H thu dư tổng số tiền đóng hội là 51.000.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 49.500.000 đồng;

Dây 6: Mở ngày 30/9/2021 âm lịch, loại 3.000.000 đồng/ tháng. Tham gia 01 phần gồm 25 kỳ. Đóng 16 kỳ do chị H, anh T vỡ hội, tổng số tiền đóng hội là 48.000.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 46.500.000 đồng;

Dây 7: Mở ngày 15/01/2022 âm lịch, loại 3.000.000 đồng/ tháng. Tham gia 01 phần gồm 22 kỳ. Đóng 13 kỳ do chị H, anh T vỡ hội, tổng số tiền đóng hội là 39.000.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng. Chị H và anh T còn nợ lại chị là 37.500.000 đồng;

Tổng tiền hội anh T, chị H còn nợ chị là 530.500.000 đồng và tiền vay là 30.000.000 đồng. Chị H ghi sổ hội, tiền vay giao cho chị; anh T là người trực tiếp chở chị H đến chỗ chị buôn bán để thu tiền hội, anh T cùng chị H đếm tiền.

Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh T, chị H có nghĩa vụ trả cho chị tổng cộng là 560.500.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật với các căn cứ:

Bị đơn anh Nguyễn Vĩnh T trình bày:

Chị H làm thảo hội, anh có biết vì anh là người trực tiếp chở chị H đến chỗ chị P bán để chị H thu tiền; anh không có trực tiếp đếm tiền nên không biết số nợ là bao nhiêu.

Công việc buôn bán, làm hội đều do chị H làm để lo cuộc sống chung của gia đình, anh thì cho thuê 08 công ruộng mỗi công một năm là 15 gạ lúa để phụ chị H. Khi vỡ hội thì nhiều hội viên đến đòi nợ, anh có xin trả từ từ.

Đối với khoản tiền nợ mà chị P kiện, trước khi vụ án đến Tòa thì vợ chồng anh có đến gặp chị P để xin trả từ từ. Nay anh xin trả từ từ vì hiện nay tiền ăn còn không có lấy đâu ra một lần.

Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Cẩm P.

1. Buộc chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Cẩm P số tiền 560.500.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng*). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Cẩm P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G nay là thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G nay là thành phố G, tỉnh Tiền Giang bị hủy bỏ.

Chị Trần Cẩm P được nhận lại chứng từ bảo lãnh là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00024908614 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng N chi nhánh thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T chịu 26.420.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*);

H1 tạm ứng án phí cho chị Trần Cẩm P số tiền 13.200.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tại bên lai số 0027683 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G nay là thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/5/2024, anh Nguyễn Vĩnh T có đơn kháng cáo yêu cầu: hủy bỏ lệnh đóng băng tài sản của anh, xem xét lại việc buộc trả tiền cho chị P và chi phí xử án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất, anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền của ba dây hụi đã mất theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với bốn dây hụi còn lại đồng ý trả số tiền thực tế chị P đã đóng và tính lãi chậm thanh toán theo quy định. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi + hợp đồng vay tài sản*” là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lê Thị H vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Vĩnh T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất:

Căn cứ vào biên nhận đóng hụi hàng tháng do chị H giao cho chị P tại các bút lục từ 67 đến 92: anh T và chị Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi chị P được hốt (lĩnh) của ba dây hụi đã mất gồm: dây hụi mở ngày 10/9/2020, ngày 30/10/2020, ngày 10/11/2020, tổng số tiền hụi là 338.500.000 đồng;

Đối với bốn dây hụi chưa mất, anh T và chị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi thực tế chị P đã đóng tổng cộng 141.070.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ thời điểm hụi bể là tháng 12/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là tháng 5/2024, cụ thể:

Dây hụi mở ngày 30/02/2021: chị P đã đóng 42.470.000 đồng;

Dây hụi mở ngày 30/5/2021: chị P đã đóng 37.570.000 đồng;

Dây hụi mở ngày 30/9/2021: chị P đã đóng 35.240.000 đồng;

Dây hụi mở ngày 05/01/2022: chị P đã đóng 25.790.000 đồng;

Tiền lãi của số tiền 141.070.000 đồng được xác định là:

$141.070.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1,5 \text{ năm} = 21.160.500 \text{ đồng}.$

Như vậy, số tiền hui đã đóng và tiền lãi chậm thanh toán của bốn dây hui chưa mất là: $141.070.000 \text{ đồng} + 21.160.500 \text{ đồng} = 162.230.500 \text{ đồng}.$

Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng: Tại bút lục 01 thể hiện, chị H đã cộng số tiền này chung với số tiền hui nên cần buộc anh T, chị H cùng có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền này.

Do đó, chị H và anh T có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền vay và tiền hui là: $338.500.000 \text{ đồng} + 162.230.500 \text{ đồng} + 30.000.000 \text{ đồng} = 530.730.500 \text{ đồng}.$ Thực hiện khi án có hiệu lực.

Đối với kháng cáo về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án sơ thẩm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2023: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng biệt, có hiệu lực thi hành ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị nên anh T kháng cáo yêu cầu hủy quyết định này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh Nguyễn Vĩnh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Vĩnh T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2024/DS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 38, Điều 133, Điều 147, Điều 148, Điều 296, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Cẩm P.

1. Buộc chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Cẩm P số tiền 530.730.500 đồng (*Năm trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Trần Cẩm P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi

hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang bị hủy bỏ.

Chị Trần Cẩm P được nhận lại chứng từ bảo lãnh là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00024908614 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng N chi nhánh thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

H1 lại cho anh Nguyễn Vĩnh T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000846 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Vĩnh T phải chịu 25.229.000 đồng;

H1 tạm ứng án phí cho chị Trần Cẩm P số tiền 13.200.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tại bên lai số 0027683 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G nay là thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND Tp.G;
 - CCTHADS Tp.G;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương